

Bản án số: 279/2022/KDTM-ST

Ngày: 29-9-2022

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tĩnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Phương Châm

2. Bà Đặng Thị Ngọc Bích

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Hải Đăng- Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 405/2020/TLST-KDTM ngày 28 tháng 12 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 5321/2022/QĐXXST-KDTM ngày 17 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 5824/2022/QĐST-KDTM ngày 09 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP K

Địa chỉ: Phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn:

Bà Võ Thị Cẩm H, trú tại: Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 31 tháng 7 năm 2017).

Bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất Nhập khẩu G

Địa chỉ: Phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Bị đơn:

Bà Thái Ngọc H1, trú tại: Phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo pháp luật (Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất Nhập khẩu G).

Bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 7 năm 2013, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 17 tháng 4 năm 2014 và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn- Ngân hàng TMCP K - Có bà Võ Thị Cẩm H- Đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 02/11/2007, Ngân hàng TMCP K (Gọi tắt là K) và Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất Nhập khẩu G (Gọi tắt là Công ty G) có ký kết hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng số: 18174/HDHM/TCB-HH, theo đó K đồng ý cho Công ty G vay để bổ sung vốn kinh doanh với hạn mức là 4.000.000.000 đồng.

Căn cứ vào hợp đồng hạn mức nêu trên, K đã giải ngân cho Công ty G vay tổng số tiền là 1.674.000.000 đồng theo các hợp đồng chiết khấu, khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán khoản vay trên, Công ty G đã thế chấp cho K toàn bộ các mặt hàng thủy sản đã qua chế biến phục vụ xuất nhập khẩu thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của Công ty G theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 18174/HĐTC/TCB và phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số: 18174/PL-HĐTC ngày 10/9/2008.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty G đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho K nên K nhiều lần yêu cầu Công ty G thanh toán nợ nhưng Công ty G luôn cố tình trốn tránh, không thanh toán.

Tạm tính đến ngày 18/4/2022, Công ty G còn nợ K các khoản nợ sau: Nợ gốc: 137.091.953 đồng, nợ lãi: 540.590.953 đồng, tổng nợ: 677.682.628 đồng.

Nay K kính đề nghị Quý Tòa xem xét và buộc:

- Công ty G thanh toán cho K số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 18/4/2022 là 677.682.628 đồng (gồm nợ gốc: 137.091.953 đồng, nợ lãi: 540.590.953 đồng) và tiền lãi phát sinh theo lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng số: 18174/HDHM/TCB-HH ngày 02/11/2007, các hợp đồng chiết khấu, khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ tính từ ngày 19/4/2022 cho đến khi thanh toán hết nợ.

- Trường hợp Công ty G không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì K được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm là toàn bộ các mặt hàng thủy sản đã qua chế biến phục vụ xuất nhập khẩu thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của Công ty G theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 18174/HĐTC/TCB và phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số: 18174/PL-HĐTC ngày 10/9/2008.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán nợ cho K thì Công ty G có trách nhiệm thanh toán tiếp cho K cho đến khi hết nợ.

** Tại bản khai ngày 28/9/2022, Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn trình bày (tóm tắt):*

Yêu cầu Tòa án xem xét và buộc Công ty G thanh toán cho K số tiền nợ tạm tính đến ngày 29/9/2022 là 686.885.079 đồng (gồm nợ gốc: 137.091.953 đồng, nợ lãi: 549.793.126 đồng) và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc quá hạn theo lãi suất quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng số: 18174/HDHM/TCB-HH ngày 02/11/2007, khế ước nhận nợ, cam kết trả nợ, các hợp đồng chiết khấu tính từ ngày 30/9/2022 cho đến khi thanh toán hết nợ.

K đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện. Cụ thể là rút yêu cầu xử lý đối với tài sản bảo đảm là toàn bộ các mặt hàng thủy sản đã qua chế biến phục vụ xuất nhập khẩu thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của Công ty G theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 18174/HĐTC/TCB và phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số: 18174/PL-HĐTC ngày 10/9/2008.

** Bị đơn- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất Nhập khẩu G:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật: Tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giấy triệu tập về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; giấy triệu tập xét xử; quyết định hoãn phiên tòa... nhưng Công ty G, người đại diện theo pháp luật của Công ty G không có văn bản phản hồi ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

Việc chấp hành pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử...được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu mà Nguyên đơn đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Ngày 02/11/2007, Ngân hàng TMCP K (Gọi tắt là Ngân hàng) cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất Nhập khẩu G (Gọi tắt là Công ty G) vay: 4.000.000.000 đồng theo hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng số: 18174/HDHM/TCB-HH (gọi tắt là hợp đồng 18174). Do Công ty G không thanh toán nợ cho Ngân hàng nên phát sinh tranh chấp. Công ty G là Bị đơn, có trụ sở tại Quận 1 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Nguyên đơn.

[1.3] Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc Công ty G trả số tiền nợ tạm tính đến ngày 29/9/2022 là 686.885.079 đồng (gồm nợ gốc: 137.091.953 đồng, nợ lãi: 549.793.126 đồng) và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng số: 18174/HDHM/TCB-HH ngày 02/11/2007, khế ước nhận nợ, cam kết trả nợ, các hợp đồng chiết khấu tính từ ngày 30/9/2022 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Việc ký hợp đồng tín dụng 18174, khế ước nhận nợ, cam kết trả nợ, các hợp đồng chiết khấu giữa các bên là tự nguyện, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực theo quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 1997.

Công ty G đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên cần buộc Công ty G thực hiện đúng các nội dung thỏa thuận.

Như vậy, có cơ sở chấp nhận số tiền Công ty G phải trả cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng 18174, khế ước nhận nợ, cam kết trả nợ, các hợp đồng

chiết khấu tạm tính đến ngày 29/9/2022 là 686.885.079 đồng (gồm nợ gốc: 137.091.953 đồng, nợ lãi: 549.793.126 đồng) và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng số: 18174/HDHM/TCB-HH ngày 02/11/2007, khế ước nhận nợ, cam kết trả nợ, các hợp đồng chiết khấu tính từ ngày 30/9/2022 cho đến khi thanh toán hết nợ.

[2.2] Xét yêu cầu của Nguyên đơn về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện:

Nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm.

Xét thấy, việc giải quyết vụ án cần triệt để tránh tranh chấp phát sinh kéo dài. Tuy nhiên, Nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi thuộc quyền quyết định và tự định đoạt của Nguyên đơn, Tòa án chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự nên cần đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút của Nguyên đơn.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của Nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 244; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 54 và Điều 56 của Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 1997;

Căn cứ vào Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b, Điều 9, Điều 26 và Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ vào khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn- Ngân hàng TMCP K .

Buộc Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất Nhập khẩu G thanh toán ngay toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng TMCP K theo hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng số: 18174/HDHM/TCB-HH ngày 02/11/2007, khế ước nhận nợ, cam kết trả nợ, các hợp đồng chiết khấu tạm tính đến ngày 29/9/2022 là 686.885.079 đồng (bao gồm nợ gốc: 137.091.953 đồng, nợ lãi: 549.793.126 đồng).

Kể từ ngày 30/9/2022 Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất Nhập khẩu G còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng số: 18174/HDHM/TCB-HH ngày 02/11/2007, khế ước nhận nợ, cam kết trả nợ, các hợp đồng chiết khấu cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng số: 18174/HDHM/TCB-HH ngày 02/11/2007, khế ước nhận nợ, cam kết trả nợ, các hợp đồng chiết khấu các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP K về việc rút yêu cầu xử lý đối với tài sản bảo đảm là toàn bộ các mặt hàng thủy sản đã qua chế biến phục vụ xuất nhập khẩu thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất Nhập khẩu G theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 18174/HĐTC/TCB và Phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số: 18174/PL-HĐTC ngày 10/9/2008.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất Nhập khẩu G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 31.475.403 đ (Ba mươi một triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn bốn trăm lẻ ba đồng).

Ngân hàng TMCP K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền 10.863.394 đ (Mười triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn ba trăm chín mươi bốn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AB/2012/04216 ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành

án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.1;
- CCTHADS Q.1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Tĩnh